

CÁC BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỰ PHẠM CHO SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC SỰ PHẠM HÀ NỘI 2

ThS. Lê Thị Ngọc Mai¹, TS. Vũ Tuấn Anh¹

Tóm tắt: Diễn biến đổi mới giáo dục phổ thông đã đặt ra những yêu cầu mới về năng lực sự phạm của người giáo viên. Đổi mới công tác đào tạo giáo viên thể dục thể thao của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 là một tất yếu khách quan. Nghiên cứu các biện pháp phát triển năng lực sự phạm cho sinh viên là nhu cầu có tính cấp thiết, một mặt nhằm khắc phục những hạn chế nảy sinh trong quá trình đào tạo, mặt khác nhằm đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục theo hướng căn bản và toàn diện.

Từ khóa: Năng lực sự phạm, khoa Giáo dục thể chất, các biện pháp phát triển năng lực sự phạm.

Abstract: The evolution of educational reform has set new requirements on the pedagogical capacity of teachers. Renovating the training of physical education and sports teachers at Hanoi National University of Education 2 is an objective necessity. Research on measures to develop pedagogical capacity for students is an urgent need, on the one hand to overcome the limitations arising in the training process, on the other hand to meet the requirements of fundamentally and comprehensively educational reform.

Keywords: Pedagogical capacity, Physical Education faculty, measures to develop pedagogical capacity.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Năng lực sự phạm (NLSP) là đặc trưng cơ bản, là sản phẩm cốt lõi của nhà trường sư phạm nói chung và đào tạo giáo viên (GV) thể dục thể thao (TDTT) nói riêng. Chính vì vậy, đào tạo và phát triển NLSP phải trở thành quan điểm xuyên suốt từ xác định mục tiêu đến thiết kế nội dung chương trình; từ giáo dục nhận thức cho sinh viên (SV) đến tổ chức quá trình đào tạo; phải đồng thời phát huy, khai thác được mọi tiềm năng của cơ sở đào tạo và khả năng tự học, tự rèn luyện của SV. Đảm bảo cho SV khi ra trường có NLSP tiệm cận với Quy định chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông.

Nghiên cứu thực trạng đào tạo GV TDTT của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 (ĐHSPHN2) cho thấy: Chất lượng, hiệu quả phát triển NLSP cho SV chưa tương xứng với tiềm năng và định hướng sản phẩm đào tạo của nhà trường; nội dung và công tác tổ chức đào tạo chưa phản ánh được nội dung và yêu cầu của đổi mới giáo dục phổ thông.

Trong điều kiện đổi mới giáo dục theo hướng căn bản và toàn diện, nghiên cứu các biện pháp khắc phục thực trạng nêu trên là nhu cầu cấp thiết của thực tiễn.

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu: phân tích và tổng hợp tài liệu, phỏng vấn, quan sát sự phạm, kiểm tra sự phạm, thực nghiệm sự phạm và toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Thực trạng NLSP của SV Khoa GDTC Trường ĐHSHPN2

2.1.1. Kết quả học tập khối kiến thức chuyên ngành và NLSP của SV

Tổng hợp kết quả nghiên cứu và kết quả học tập các môn học khối kiến thức chuyên ngành, khối kiến thức

nghệ thuật sư phạm (NVSP) của SV K38 (niên khóa 2012 - 2016) trình bày tại bảng 1 và 2 cho thấy: Tỷ lệ SV đạt loại giỏi trong từng môn học thấp; đặc biệt đối với khối kiến thức NVSP, tỷ lệ SV đạt loại trung bình và yếu chiếm tỷ lệ từ 38 - 65%. SV chưa tích cực, chủ động trong học tập và rèn luyện NLSP.

Nguyên nhân cơ bản của thực trạng là: SV chưa nhận thức đầy đủ về đặc điểm và ý nghĩa của học chế tín chỉ; về vai trò, tầm quan trọng của NLSP đối với hoạt động nghề nghiệp; nội dung và yêu cầu kiểm tra đánh giá chưa trở thành động lực để tích cực hoá hoạt động tự học của SV...

2.1.2. Kết quả và nội dung thực hành NLSP và thực tập sư phạm của SV

Về kết quả: 100% SV đạt loại khá và giỏi. Đối với nội dung thực hành NVSP; 100% đạt loại giỏi đối với hoạt động thực tập sư phạm (TTSP).

Về nội dung: SV được thực hành phương pháp biên soạn giáo án và thực hành giáo án tiết học; phương pháp tuyển chọn vận động viên; phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài; phương pháp xây dựng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy học.

SV chưa được chuẩn bị những hiểu biết cần thiết về chuẩn nghề nghiệp GV; không được tiếp cận, thực hành những kỹ năng mới của người GV trước yêu cầu đổi mới giáo dục như: Kỹ năng đánh giá, xây dựng và phát triển chương trình; kỹ năng dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh...

2.1.3. Thực trạng các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển NLSP cho SV của Khoa GDTC Trường ĐHSHPN2

• Về chương trình đào tạo

Mục tiêu và cấu trúc mục tiêu chương trình chưa phản ánh được chuẩn đầu ra của quá trình đào tạo; chưa

Bảng 1. Kết quả học tập khối kiến thức chuyên ngành của SV K38 (n = 74)

TT	Môn học	Kết quả học tập K38 (số SV, tỷ lệ%)							
		Giỏi	%	Khá	%	TB	%	Yếu	%
1	Điền kinh 1	24	32,4	25	33,8	25	33,8	0	0
2	Điền kinh 2	23	31,1	20	27,0	31	41,9	0	0
3	Điền kinh 3	32	43,2	29	39,2	13	17,6	0	0
4	Thể dục cơ bản	5	6,8	14	18,9	55	74,3	0	0
5	Thể dục nhịp điệu	3	4,1	31	41,9	40	54,0	0	0
6	Thể dục đồng diễn	0	0	14	18,9	60	81,8	0	0
7	Thể dục dụng cụ	4	5,4	29	39,2	41	55,4	0	0
8	Bơi lội	40	54,0	29	39,2	5	6,8	0	0
9	Bóng đá	35	47,3	34	45,9	5	6,8	0	0
10	Bóng chuyền	13	17,6	41	55,4	20	27,0	0	0
11	Bóng bàn	15	20,3	42	56,8	17	22,9	0	0
12	Bóng ném	11	14,9	34	45,9	29	39,2	0	0
13	Bóng rổ	18	24,3	40	54,1	16	21,6	0	0
14	Cầu long	4	5,4	22	29,7	48	64,9	0	0
15	Đá cầu	41	55,4	30	40,5	3	4,1	0	0
16	Cờ vua	2	2,7	19	25,7	53	71,6	0	0
17	Võ	7	9,5	12	16,2	55	74,3	0	0
18	Trò chơi vận động	4	5,4	49	66,2	21	28,4	0	0
Trung bình 18 môn		15,6	21,1	28,6	38,6	29,8	40,3	0	0

Bảng 2. Kết quả học tập khối kiến thức NVSP của SV K38 (n = 74)

TT	Môn học	Kết quả học tập (số SV, tỷ lệ%)							
		Giỏi	%	Khá	%	TB	%	Yếu	%
I	Khối kiến thức NVSP								
1	Tâm lý học đại cương	0	0	9	12,2	38	51,3	27	36,5
2	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	5	6,7	31	41,9	31	41,9	7	9,5
3	Giáo dục học	5	6,7	26	35,2	33	44,6	10	13,5
4	Lí luận dạy học và lí luận giáo dục ở trường phổ thông	6	8,1	28	37,9	34	45,9	6	8,1
5	Phương pháp NCKH chuyên ngành GDTC	4	5,4	9	12,2	19	25,7	42	56,7
6	Lí luận và phương pháp GDTC	3	4,0	21	28,4	34	45,9	16	21,6
7	Lí luận và phương pháp GDTC trường học	2	2,7	9	12,2	29	39,2	34	45,9
8	Tâm lý học TĐTT	3	4,0	20	27,1	18	24,3	33	44,6
9	Giáo dục học TĐTT	3	4,0	23	31,1	44	59,5	4	5,4
	Trung bình 9 môn	3,4	4,6	19,6	26,4	31,0	42,0	19,8	26,9
II	Thực hành NVSP và TTSP								
1	Thực hành NVSP	39	52,7	35	47,3	0	0	0	0
2	TTSP lần 1 và 2	74	100	0	0	0	0	0	0

bám sát qui định chuẩn nghề nghiệp của GV; chưa phản ánh được yêu cầu của đổi mới giáo dục theo tinh thần của Nghị quyết 29 – NQ/TW.

Nội dung chương trình thiếu một số kiến thức cơ bản mang đặc trưng đào tạo NLSP cho SV: Phương pháp xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo

hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phương pháp kiểm tra đánh giá kết học tập theo hướng phát triển năng lực học sinh.

• **Về tổ chức hoạt động đào tạo:**

- Hoạt động truyền thụ còn mang nặng tính niên chế, chưa được triển khai trên nền tảng tự học của SV,

chưa phản ánh được đặc trưng, mục tiêu và tính ưu việt của học chế tín chỉ.

- Nội dung và yêu cầu kiểm tra, đánh giá chưa bao hàm kiến thức, kỹ năng SV phải tích lũy được thông qua hoạt động tự học, chưa trở thành động lực để hình thành, phát triển nhu cầu tự học và tính tích cực tự học của SV.

- Phần lớn nội dung thực hành NVSP lặp lại nội dung các môn học thuộc khối kiến thức NVSP; chưa thực sự trở thành cầu nối giữa học và hành, giữa cơ sở đào tạo với thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.

- Nội dung và yêu cầu TTSP thiếu tính đa dạng, thiếu tính định hướng để SV thâm nhập sâu vào thực tiễn giáo dục phổ thông thông qua đó tiếp tục hình thành, phát triển ở SV năng lực tự học, tự nghiên cứu và đánh giá.

2.2 Các biện pháp phát triển NLSP cho SV Khoa GDTC Trường ĐHSPHN2

2.2.1. Biện pháp thứ nhất: Tăng cường giáo dục nhận thức cho SV về vai trò, tầm quan trọng của học tập và rèn luyện NLSP

• Mục tiêu của biện pháp

Phát huy vai trò chủ thể của SV trong học tập và rèn luyện NLSP.

Nâng cao nhận thức của SV về vai trò và tầm quan trọng của NLSP đối với hoạt động nghề nghiệp trong thực tiễn GDTC trường học, thông qua đó hình thành và phát triển ở SV tính tích cực, động cơ và nhu cầu học tập, rèn luyện NLSP.

• Nội dung của biện pháp

Tạo điều kiện để SV được sớm tiếp cận nội dung và yêu cầu cơ bản hình thành nên NLSP; nhận thức được giá trị của NLSP đối với quá trình hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

Định hướng cho SV phương pháp, cách thức tự học, tự rèn luyện NLSP; hình thành nhu cầu tự tìm kiếm thông tin và những tiến bộ về phương pháp dạy học.

Nhấn mạnh tính cốt lõi, mối quan hệ và biểu hiện của NLSP trong Quy định chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông; làm sáng tỏ nội hàm cấu trúc nên NLSP, yêu cầu và điều kiện hình thành NLSP.

Tạo cơ hội để SV có những hiểu biết cần thiết về quan điểm, xu hướng đổi mới giáo dục; về các phương thức đào tạo hiện đại, tiên tiến của Việt Nam và thế giới.

• Tổ chức triển khai biện pháp

Thông qua “Tuần học tập đầu khóa”, vai trò của cố vấn học tập, vai trò của giáo vụ, trợ lý học tập, GV chủ nhiệm lớp và giảng viên, trang bị cho SV những hiểu biết về:

- Vai trò, tầm quan trọng của các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành và khối kiến thức NVSP đối với quá trình hình thành và phát triển NLSP.

- Định hướng cho SV phương pháp lựa chọn nội

dung và trình tự đăng ký học tập các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành và NVSP.

- Phương pháp học tập; qui trình đào tạo khối kiến thức chuyên ngành và NVSP; vai trò, tầm quan trọng của việc hình thành và phát triển NLSP.

2.2.2. Biện pháp thứ hai: Đổi mới mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo của Khoa GDTC Trường ĐHSPHN2 theo hướng phát triển năng lực sư phạm cho SV

• Mục tiêu của biện pháp

Mở rộng phạm vi và nội hàm NLSP của SV tiệm cận với chuẩn nghề nghiệp GV. Đảm bảo cho SV khi ra trường có thể hoà nhập nhanh chóng với diễn biến đổi mới của giáo dục phổ thông.

Nâng cao hiệu quả đào tạo GV TDTT của nhà trường theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội.

• Nội dung của biện pháp

Đổi mới mục tiêu chương trình

Cụ thể hóa cấp độ của NLSP SV cần đạt khi ra trường phù hợp với định hướng đào tạo khối kiến thức chuyên ngành và NVSP.

Bổ sung chuẩn đầu ra của chương trình, trên cơ sở làm sáng tỏ những yêu cầu cần đạt trong quá trình đào tạo, đảm bảo cho SV khi ra trường có NLSP tiệm cận với chuẩn nghề nghiệp GV.

Đổi mới nội dung chương trình

Đổi mới nội dung chương trình theo hướng bổ sung nội dung đào tạo nhằm phát triển NLSP cho SV trước yêu cầu của đổi mới giáo dục phổ thông:

- Xây dựng và phát triển chương trình môn học nhằm đáp ứng nhu cầu tự chọn của học sinh và điều kiện giảng dạy của địa phương.

- Dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh.

- Tổ chức và triển khai tiết học theo các hoạt động nhằm phát triển năng lực học sinh.

• Tổ chức triển khai biện pháp

Tổ chức triển khai các biện pháp thông qua các bước:

- Phối hợp với Bộ môn lý luận và các tác giả (của Khoa GDTC) tiến hành biên soạn và thẩm định các học phần và nội dung đổi mới đã xác định.

- Bổ sung học phần: “Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC”. Bổ sung nội dung “Tổ chức dạy học theo hoạt động” và “Phương pháp xây dựng kế hoạch dạy học môn GDTC” vào các học phần thuộc khối kiến thức NVSP.

2.2.3. Biện pháp thứ ba: Đổi mới công tác tổ chức đào tạo của Khoa GDTC Trường ĐHSPHN2 theo hướng phát triển NLSP cho SV

• Mục tiêu của biện pháp

Hiện thực hóa quá trình giáo dục nhận thức cho SV; chuyển hóa mục tiêu và nội dung đổi mới chương trình thành hành động của thầy và trò.

Góp phần hiện thực hóa, hiệu quả hóa đặc trưng của học chế tín chỉ trong đào tạo và phát triển NLSP cho SV.

Nâng cao chất lượng hoạt động thực hành NVSP, TTSP, tạo môi trường và tình huống để SV được thực hành, rèn luyện NLSP phù hợp với nội dung và yêu cầu đổi mới của giáo dục phổ thông.

- **Nội dung của biện pháp**

Phát huy hiệu quả hoạt động tự học của SV

Tổ chức, triển khai hoạt động dạy học và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (RLNVSP) trên cơ sở thực sự coi thời lượng tự học là bộ phận cấu thành tiến trình dạy học; là cầu nối giữa các mạch nội dung của học phần với nội dung SV phải tự tìm kiếm, bổ sung.

Đổi mới nội dung và yêu cầu kiểm tra đánh giá: Mở rộng phạm vi nội dung, yêu cầu kiểm tra đánh giá trên cơ sở coi nội dung và hàm lượng kiến thức, kỹ năng mà SV phải đạt được thông qua hoạt động tự học là sản phẩm tất yếu của quá trình đào tạo.

Đổi mới nội dung và hình thức hoạt động RLNVSP:

Đổi mới hoạt động RLNVSP theo hướng trang bị cho SV kiến thức, kỹ năng thực hành nội dung mới, yêu cầu mới của NLSP phù hợp với xu thế đổi mới của giáo dục phổ thông.

Đổi mới nội dung và yêu cầu hoạt động TTSP: Đến với nhà trường phổ thông, SV không chỉ thực hành dạy học mà còn là quá trình thâm nhập thực tiễn GDTC trường học với các nội dung và yêu cầu sau: Đánh giá tính phù hợp, khả thi của chương trình GDTC phổ thông đối với thực tiễn giáo dục; phát hiện, đánh giá tính đáp ứng của GV và nhà trường về phương pháp và nội dung dạy học...

- **Tổ chức triển khai biện pháp**

Đối với hoạt động tự học của SV: Căn cứ vào thời lượng tự học đã được chương trình qui định cho mỗi học phần, giảng viên xác định nội dung, hàm lượng kiến thức, kỹ năng SV phải đạt được thông qua hoạt động tự học. Đánh giá hiệu quả tự học của SV là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của giảng viên trong mỗi tiết học.

Đối với nội dung và yêu cầu kiểm tra đánh giá: Hàm lượng kiến thức, phạm vi nội dung được xác định cho hoạt động tự học của SV là bộ phận cấu thành nội dung và yêu cầu kiểm tra đánh giá của mỗi học phần.

Đối với nội dung và hình thức hoạt động RLNVSP: Cụ thể hóa nội dung, tiến trình hoạt động của học phần thực hành NVSP, được giảng viên chuyên trách triển khai thực hiện.

Đối với nội dung và yêu cầu hoạt động TTSP: Trước mỗi đợt TTSP, SV được định hướng về: Nội dung, cách thức tiến hành và yêu cầu cần đạt đối với từng nhiệm vụ cụ thể; phương pháp tìm hiểu, phát hiện và đánh giá từng nội dung.

2.3. Thực nghiệm đánh giá hiệu quả các biện pháp

trong thực tiễn đào tạo GV TDTT của Khoa GDTC Trường ĐHSPTN2

Các biện pháp được đồng thời thực nghiệm trong thực tiễn đào tạo SV K40 (gồm 49 SV) khoa GDTC Trường ĐHSPTN2 (niên khoá 2014 - 2018). Hiệu quả ứng dụng của mỗi biện pháp được đánh giá bằng một bộ tiêu chí phù hợp với mục tiêu, nội dung của biện pháp.

- **Hiệu quả ứng dụng biện pháp thứ nhất**

Góp phần định hướng cho SV về giá trị của NLSP trong thực tiễn đào tạo và trong hoạt động GDTC trường học. Hình thành và phát triển ở SV thái độ trách nhiệm, tính tích cực bền vững trong rèn luyện NLSP; chủ động xây dựng kế hoạch học tập và tự rèn luyện NLSP trong suốt quá trình đào tạo.

- **Hiệu quả ứng dụng biện pháp thứ hai**

Nội dung đổi mới có tính đáp ứng cao trước yêu cầu của đổi mới giáo dục phổ thông, có giá trị phát triển NLSP cho SV cả về phạm vi và hàm lượng kiến thức, kỹ năng.

- **Hiệu quả ứng dụng biện pháp thứ ba**

Liên kết, huy động được vai trò, sự ảnh hưởng tích cực của đào tạo khối kiến thức chuyên ngành, khối kiến thức NVSP đối với quá trình rèn luyện, phát triển NLSP cho SV. Phạm vi nội dung thực hành NVSP tiệm cận chuẩn nghề nghiệp GV.

Phát huy được tính ưu việt, hiệu quả của phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ để phát triển NLSP cho SV; góp phần đưa mục tiêu, nội dung đào tạo NLSP lên một tầm cao mới.

- **Hiệu quả tổng hợp của các biện pháp**

Kết quả học tập khối kiến thức chuyên ngành và NVSP của SV K40 được trình bày tại bảng 3 và 4; so sánh kết quả giữa 2 khoá K38 và 40 (được so sánh theo công thức χ^2 , với $\chi^2_{\text{tính}} > \chi^2_{\text{bảng}}$, sự khác biệt có ý nghĩa ở ngưỡng xác suất $P < 0,01$) được trình bày tại biểu đồ 1 và 2 cho thấy K40 có sự hơn hẳn về tỷ lệ SV đạt loại khá, giỏi; sự giảm thiểu tỷ lệ SV đạt loại trung bình, loại yếu so với K38.

Kết quả học tập của SV đã chứng minh hiệu quả của các biện pháp về các mặt:

- SV đã có sự đầu tư cần thiết trong học tập khối kiến thức NVSP; trong học tập và rèn luyện NLSP các nội dung thuộc khối kiến thức chuyên ngành.

- Việc tăng phạm vi nội dung và hàm lượng khối kiến thức NVSP nhằm phát triển NLSP của SV là có tính khả thi và hiệu quả.

- Đổi mới tổ chức đào tạo theo định hướng phát triển NLSP cho SV đã tạo ra sức mạnh tổng hợp thúc đẩy quá trình học tập nói chung, rèn luyện NLSP của SV nói riêng.

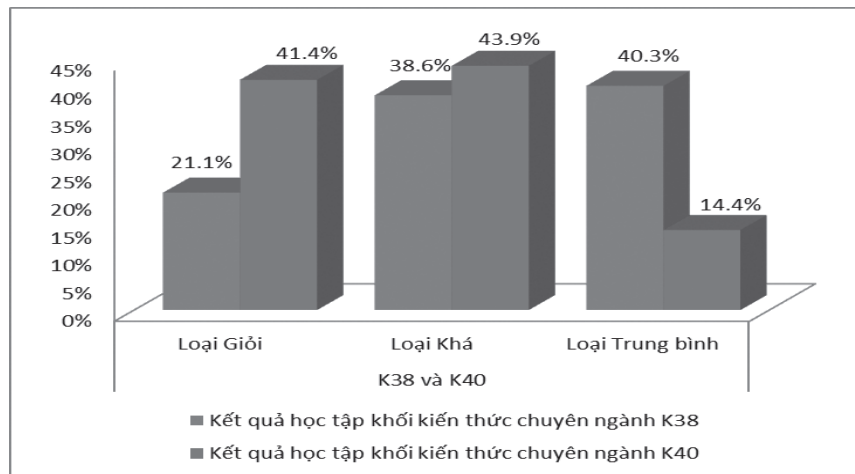
- Trong điều kiện hoạt động thực hành NVSP và TTSP có sự gia tăng đáng kể về phạm vi nội dung và hàm lượng kiến thức, SV vẫn đạt tỷ lệ khá giỏi cao.

Bảng 3. Kết quả học tập khối kiến thức chuyên ngành của SV K40 (n = 49)

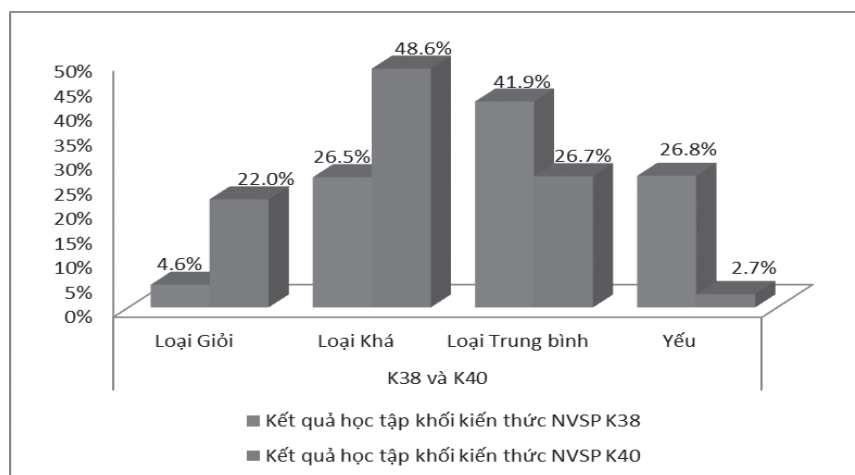
TT	Môn học	Kết quả học tập (số SV, tỷ lệ %)							
		Giỏi	%	Khá	%	TB	%	Yếu	%
1	Điền kinh 1	20	40.8	25	51.0	4	8.2	0	0
2	Điền kinh 2	19	38.8	24	49.0	6	12.2	0	0
3	Điền kinh 3	33	67.3	11	22.4	5	10.2	0	0
4	Thể dục cơ bản	17	34.7	21	42.9	11	22.4	0	0
5	Thể dục nhịp điệu	13	26.5	29	59.2	7	14.3	0	0
6	Thể dục đồng diễn	15	30.6	24	49.0	10	20.4	0	0
7	Thể dục dụng cụ	11	22.4	30	61.2	8	16.3	0	0
8	Bơi lội	35	71.4	10	20.4	4	8.2	0	0
9	Bóng đá	32	65.3	15	30.6	2	4.1	0	0
10	Bóng chuyền	22	44.9	22	44.9	5	10.2	0	0
11	Bóng bàn	13	26.5	32	65.3	4	8.2	0	0
12	Bóng ném	10	20.4	31	63.3	8	16.3	0	0
13	Bóng rổ	27	55.1	16	32.7	6	12.2	0	0
14	Cầu long	15	30.6	22	44.9	12	24.5	0	0
15	Đá cầu	32	65.3	12	24.5	2	4.1	0	0
16	Cờ vua	15	30.6	19	38.8	15	30.6	0	0
17	Võ	17	34.7	22	44.9	10	20.4	0	0
18	Trò chơi vận động	19	38.8	22	44.9	8	16.3	0	0
	Trung bình 18 môn	20.3	41.4	21.5	43.9	7.1	14.4	0	0

Bảng 4. Kết quả học tập khối kiến thức NVSP của SV K40 (n = 49)

TT	Môn học	Kết quả học tập (số SV, tỷ lệ %)							
		Giỏi	%	Khá	%	TB	%	Yếu	%
I	Khối kiến thức NVSP								
1	Tâm lý học đại cương	7	14.3	21	42.9	19	38.8	2	4.1
2	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	9.0	18.4	23	46.9	17	34.7	0	0
3	Giáo dục học	11.0	22.4	25	51.0	12	24.5	1	2.0
4	Lí luận dạy học và lí luận giáo dục ở trường phổ thông	13.0	26.5	27	55.1	9	18.4	0	0
5	Phương pháp NCKH chuyên ngành GDTC	9	18.4	23	46.9	11	22.4	6	12.2
6	Lí luận và phương pháp GDTC	14.0	28.6	23	46.9	12	24.5	0	0
7	Lí luận và phương pháp GDTC trường học	15	30.6	21	42.9	13	26.5	0	0.0
8	Tâm lí học TĐTT	8	16.3	24	49.0	15	30.6	2	4.1
9	Giáo dục học TĐTT	11	22.4	27	55.1	10	20.4	1	2.0
10	Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá	16	32.7	24	49.0	9	18.4	0	0
	Trung bình 9 môn	10.8	22.0	23.8	48.6	13.1	26.7	1.3	2.7
II	RLNVSP, TTSP								
1	RLNVSP	30	61.2	39	38.8	0	0	0	0
2	TTSP lần 1 và 2	100	100	0	0	0	0	0	0



Biểu đồ 1. So sánh kết quả học tập khối kiến thức chuyên ngành của SV K38 và K40



Biểu đồ 2. So sánh kết quả học tập khối kiến thức NVSP của SV K38 và K40

3. KẾT LUẬN

Quá trình nghiên cứu đã xác định được ba biện pháp nhằm phát triển NLSP cho SV:

- Biện pháp thứ nhất: Tăng cường giáo dục nhận thức cho SV về vai trò, tầm quan trọng của học tập và rèn luyện NLSP.
- Biện pháp thứ hai: Đổi mới mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo của Khoa GDTC Trường ĐHSPHN2 theo hướng phát triển NLSP cho SV.
- Biện pháp thứ ba: Đổi mới công tác tổ chức đào tạo của Khoa GDTC Trường ĐHSPHN2 theo hướng phát triển NLSP cho SV.

Kết quả ứng dụng các biện pháp trong thực tiễn đào tạo của Khoa GDTC Trường ĐHSPHN2 đã chứng minh tính hiệu quả, tính khả thi của các biện pháp đối với mục tiêu phát triển NLSP cho SV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 về ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp GV THCS, THPT.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), Chuẩn đầu ra trình độ Đại học khối ngành sư phạm đào tạo GV THPT, NXB-VHTT.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 về ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.

Nguồn bài báo: Kết quả nghiên cứu luận án tiến sĩ tại Viện Khoa học TĐTT “Nghiên cứu BP phát triển năng lực sư phạm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên TĐTT trường ĐHSP HN 2” của NCS Lê Thị Ngọc Mai.

Ngày nhận bài: 15/05/2021; **Ngày duyệt đăng:** 26/06/2021